

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169.661.272.940	168.080.588.328
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.961.834.749	17.640.183.689
1. Tiền	111	V.1	3.719.507.423	6.640.183.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.242.327.326	11.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		996.147.500	1.659.359.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.047.252.470	4.323.852.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.051.104.970)	(2.664.492.970)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.935.991.649	103.986.485.907
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	64.753.385.520	50.193.504.957
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1.810.857.649	3.390.407.871
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	22.438.487.501	56.208.572.700
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.066.739.021)	(5.805.999.621)
IV. Hàng tồn kho	140		52.870.999.265	39.859.262.344
1. Hàng tồn kho	141	V.8	60.195.249.276	47.183.512.355
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(7.324.250.011)	(7.324.250.011)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.896.299.777	4.935.296.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	845.845.261	232.047.315
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.692.770.606	219.002.737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	690.030.771	690.030.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	3.667.653.139	3.794.216.065
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.370.842.687	134.498.589.373
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2013

II. Tài sản cố định	220		25.552.229.329	17.191.030.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	9.916.754.441	10.358.177.828
<i>Nguyên giá</i>	222		19.217.446.509	19.213.867.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.300.692.068)	(8.855.689.318)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	5.382.105.998	5.425.030.640
<i>Nguyên giá</i>	228		5.896.832.946	5.896.832.946
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(514.726.948)	(471.802.306)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	10.253.368.890	1.407.821.982
III. Bất động sản đầu tư	240		25.908.956.847	26.197.183.437
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(2.701.916.983)	(2.413.690.393)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		89.935.776.320	90.433.995.020
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	64.105.056.000	64.105.056.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.285.558.448	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(2.454.838.128)	(1.956.619.428)
V. Tài sản dài hạn khác	260		973.880.191	676.380.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	663.619.080	676.380.466
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.261.111	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>312.032.115.627</u>	<u>302.579.177.701</u>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		71.803.314.282	55.625.872.448
I. Nợ ngắn hạn	310		71.803.314.282	55.625.872.448
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	35.518.552.512	29.138.134.888
2. Phải trả người bán	312	V.22	23.520.177.026	17.628.515.056
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	251.697.200	73.419.088
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	360.524.481	573.668.558
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		914.585.837	3.539.475.222
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	11.237.777.226	1.353.145.881

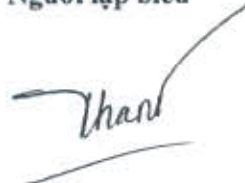
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2013

10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	3.319.513.755
II. Nợ dài hạn	330	-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	240.228.801.345	246.953.305.253
I. Vốn chủ sở hữu	410	240.228.801.345	246.953.305.253
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26 95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26 124.969.383.392	124.969.383.392
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26 11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26 8.535.400.534	15.259.904.442
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	312.032.115.627	302.579.177.701

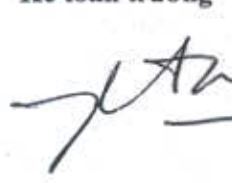
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc




Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý II		Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Năm trước	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	65.696.769.466	48.342.495.705	119.545.726.579	125.411.620.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	230.697.277	999.087.538	352.692.732	2.076.355.624
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	65.466.072.189	47.343.408.167	119.193.033.847	123.335.264.637
4. Giá vốn hàng bán	11	63.017.241.633	45.201.255.086	114.393.655.813	117.992.433.645
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.448.830.556	2.142.153.081	4.799.378.034	5.342.830.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.813.503.917	5.397.107.238	17.718.912.613	17.111.803.472
7. Chi phí tài chính	22	1.398.573.979	1.299.904.335	1.917.570.014	3.680.903.824
Trong đó: chi phí lãi vay	23	462.493.084	1.638.402.552	971.781.231	3.268.198.349
8. Chi phí bán hàng	24	4.327.752.340	4.575.512.083	7.680.496.171	9.170.589.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.561.961.315	3.128.496.618	7.078.424.029	6.106.350.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1.025.953.161)	(1.464.652.717)	5.841.800.433	3.496.790.182
11. Thu nhập khác	31	1.634.772.830	1.929.347.525	2.138.197.757	4.308.142.603
12. Chi phí khác	32	313.650.000	141.659.638	349.652.098	141.662.058
13. Lợi nhuận khác	40	1.321.122.830	1.787.687.887	1.788.545.659	4.166.480.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	295.169.669	323.035.170	7.630.346.092	7.663.270.727
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	295.169.669	323.035.170	7.630.346.092	7.663.270.727
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	34	797	801

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013



Huỳnh Bảo Khánh



Phạm Thúy Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	114.174.785.047	156.001.705.579
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(140.669.416.397)	(141.985.133.440)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.328.940.281)	(10.085.371.322)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(618.377.290)	(3.195.409.906)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.781.563.913	2.831.923.814
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.434.065.945)	(8.999.111.468)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(47.094.450.953)	(5.431.396.743)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(105.945.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.468.892.139)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.069.870.789	2.640.270.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	51.069.870.789	1.065.431.867

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

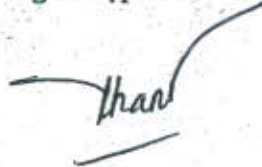
Quý II năm 2013

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.003.202.897	51.325.558.020
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(34.622.785.273)	(52.922.552.400)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.034.186.400)	(3.897.545.143)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.346.231.224	(5.494.539.523)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.321.651.060	(9.860.504.399)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.640.183.689	19.517.661.300
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.961.834.749	9.657.156.901

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất -thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m² đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương đóng BHXH cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 trở đi.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông (vốn điều lệ).

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2013	01/01/2013
Tiền mặt	479.434.387	453.514.326
Tiền gửi ngân hàng	3.240.073.036	6.186.669.363
Các khoản tương đương tiền	20.242.327.326	11.000.000.000
Cộng	23.961.834.749	17.640.183.689

2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty ĐTPPT và KCN Sông Đà (SJS)	44.000	2.623.600.000	44.000	2.623.600.000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	15	60.000	15	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	20.005	443.592.470	20.005	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Ngân hàng Vietcombank(VCB)	-	-	10.000	276.600.000
Cộng		4.047.252.470		4.323.852.470

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam: giảm do trong Quý 1/2013 đã bán 10.000 cổ phiếu với giá vốn là 276.600.000 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.051.104.970)	(2.664.492.970)

4. Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tại Văn phòng Công ty (*)	63.325.155.858	49.025.262.863
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	80.410.000	
Tại Chi nhánh Cần Thơ	560.261.373	234.925.484
Tại Chi nhánh Hà Nội	658.287.239	891.397.860
Tại Chi nhánh Phú Quốc	129.271.050	41.918.750
Cộng	64.753.385.520	50.193.504.957

Trong đó :

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH Tin Học Điện Tử Thuận An 2.421.569.620 VND đã được lập dự phòng do liên quan đến các lô hàng bán đang có tranh chấp tại Chi nhánh Hà Nội.

5. Trả trước cho người bán

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tại Văn phòng Công ty	1.643.800.803	3.264.407.871
Tại Chi nhánh Phú Quốc	167.056.846	126.000.000
Cộng	1.810.857.649	3.390.407.871

6. Các khoản phải thu khác

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Bảo hiểm xã hội phải thu	25.436.541	39.669.896
Cổ tức và lợi nhuận được chia	15.993.349.175	50.400.000.000
Thu hỗ trợ của nhà cung cấp	-	1.421.444.000
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	470.074.565	1.041.322.827
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Corp)	3.210.000.000	3.210.000.000
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	92.409.229	-
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	2.368.630.363	-
Các khoản phải thu khác	278.587.628	96.135.977
Cộng	22.438.487.501	56.208.572.700

(*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thể hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty TH Điện Tử Thuận An	(2.421.569.620)	(2.421.569.620)
Khoản phải thu Cty Cổ Phần Đăng Khoa	(193.203.000)	-
Khoản phải thu Cty TNHH TMDV XNK Phong Tiến	(67.536.400)	-
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Cộng	<u>(6.066.739.021)</u>	<u>(5.805.999.621)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Hàng mua đang đi trên đường	50.454.545	204.164.328
Nguyên liệu, vật liệu	1.257.194.865	1.051.450.497
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.155.161	35.427.635
Thành phẩm	693.103.306	647.548.246
Hàng hóa	<u>58.159.341.399</u>	<u>45.244.921.649</u>
Cộng	<u>60.195.249.276</u>	<u>47.183.512.355</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>(7.324.250.011)</u>	<u>(7.324.250.011)</u>

Trong đó, dự phòng giá trị hàng tồn kho bị mất tại Chi nhánh Hà Nội là : 3.458.322.435 VND.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Đầu kỳ 01/01/2013</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển trong kỳ</u>	<u>Cuối kỳ 30/06/2013</u>
Tại Văn phòng Công ty	211.977.273	1.170.444.234	576.046.197	806.375.310
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	14.945.662	6.038.086	8.907.576
Tại Chi nhánh Phú Quốc	20.070.042	168.725.000	158.232.667	30.562.375
Cộng	<u>232.047.315</u>	<u>1.354.114.896</u>	<u>740.316.950</u>	<u>845.845.261</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.458.322.435	3.458.322.435
Tạm ứng	209.330.704	280.893.630
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	55.000.000
Cộng	<u>3.667.653.139</u>	<u>3.794.216.065</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	12.963.714.365	670.604.075	4.595.111.495	984.437.211	19.213.867.146
2. Tăng trong kỳ	-	316.178.182	-	177.766.980	493.945.162
Trong đó	-	-	-	-	-
Mua mới	-	316.178.182	-	177.766.980	493.945.162
3. Giảm trong kỳ	-	122.456.909	22.805.999	345.102.891	490.365.799
Trong đó	-	-	-	-	-
Kết chuyển	-	122.456.909	22.805.999	345.102.891	490.365.799
4. Số cuối kỳ	12.963.714.365	864.325.348	4.572.305.496	817.101.300	19.217.446.509

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

568.062.102	548.147.166	255.000.000	638.483.913	2.009.693.181
-------------	-------------	-------------	-------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	5.734.540.705	565.284.356	1.769.087.260	786.776.997	8.855.689.318
Tăng trong kỳ	265.533.570	11.870.598	217.466.135	48.920.030	543.790.333
Giảm trong kỳ	-	26.372.970	4.876.458	67.538.155	98.787.583
Số cuối kỳ	6.000.074.275	550.781.984	1.981.676.937	768.158.872	9.300.692.068

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	7.229.173.660	105.319.719	2.826.024.235	197.660.214	10.358.177.828
Số cuối kỳ	6.963.640.090	313.543.364	2.590.628.559	48.942.428	9.916.754.441

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	5.038.340.106	5.896.832.946
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	5.038.340.106	5.896.832.946
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	471.802.306	-	471.802.306
Tăng trong kỳ	42.924.642	-	42.924.642
Số cuối kỳ	514.726.948	-	514.726.948
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	386.690.534	5.038.340.106	5.425.030.640
Số cuối kỳ	343.765.892	5.038.340.106	5.382.105.998

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2013	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2013
Chi phí XDCB trụ sở VP CN Phú Quốc	1.235.981.206	5.349.818.181	-	6.585.799.387
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ		3.120.630.545		3.120.630.545
Trang trí showroom CNPQ		375.098.182		375.098.182
Thiết kế cửa hàng kinh doanh SP điện - điện tử tin học (52 Thành	81.818.182	-	-	81.818.182
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	1.407.821.982	8.845.546.908	-	10.253.368.890

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ 01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2013
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	2.413.690.393	288.226.590	-	2.701.916.983
Giá trị còn lại	26.197.183.437			25.908.956.847

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		53.665.056.000		53.665.056.000
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		10.440.000.000
Cộng		64.105.056.000		64.105.056.000

* Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m² đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 53.665.056.000 VND, chiếm 20% vốn điều lệ.

* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

17. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đồng Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
Cộng		28.285.558.448		28.285.558.448

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(2.454.838.128)	(1.956.619.428)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2013	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2013
Tại Văn phòng Công ty	654.381.257	945.126.559	951.221.308	648.286.508
Tại Chi nhánh Hà Nội	21.999.209	9.729.546	16.396.183	15.332.572
Cộng	676.380.466	954.856.105	967.617.491	663.619.080

21. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Ký cược, ký quỹ dài hạn	310.261.111	-
Cộng	310.261.111	-

22. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	35.518.552.512	19.138.134.888
Vay ngắn hạn Tổng Cty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	-	10.000.000.000
	35.518.552.512	29.138.134.888

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2013 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 12.1462001/HĐTDHM ngày 17 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 13.185002/HĐTDHM ngày 10 tháng 06 năm 2013. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản tương đương là 70 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) theo lãi suất công bố tại từng thời điểm nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

23. Phải trả người bán

	30/06/2013	01/01/2013
Tại Văn phòng Công ty	23.243.568.019	17.628.515.056
<i>Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina</i>	15.116.628.919	16.010.730.868
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	8.126.939.100	1.617.784.188
Tại Chi nhánh Phú Quốc	269.409.006	-
Tại Chi nhánh Hà Nội	7.200.001	-
Cộng	23.520.177.026	17.628.515.056

24. Người mua trả tiền trước

	30/06/2013	01/01/2013
Tại Văn phòng Công ty	100.248.202	19.899.088
Tại Chi nhánh Phú Quốc	130.029.000	53.520.000
Tại Chi nhánh Hà Nội	21.419.998	-
Cộng	251.697.200	73.419.088

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ 01/01/2013	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2013
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.576.245.027	1.576.245.027	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	35.169.104	1.475.802.251	1.208.046.725	302.924.630
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	47.789.502	47.789.502	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)			(690.030.771)
- Thuế thu nhập cá nhân	538.499.454	534.622.129	1.015.521.732	57.599.851
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	895.336.000	895.336.000	-
- Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	(116.362.213)	4.539.794.909	4.752.938.986	(329.506.290)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý II	
	Năm 2013	Năm 2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	295.169.669	323.035.170
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(5.306.910.075)	(5.030.401.340)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập		
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	(5.306.910.075)	(5.030.401.340)
Tổng thu nhập chịu thuế	(5.011.740.406)	(4.707.366.170)
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	(5.011.740.406)	(4.707.366.170)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Kinh phí công đoàn	91.602.597	56.718.004
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị		439.790.771
Chi Cổ Tức Cho Cổ Đông	10.566.251.857	455.463.857
Các khoản phải trả khác	579.922.772	401.173.249
Cộng	11.237.777.226	1.353.145.881

27. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ	95.699.000.000	124.969.383.392	11.025.017.419	15.259.904.442
Lợi nhuận tăng trong kỳ				7.630.346.092
Chia cổ tức năm 2012				14.354.850.000
Số dư cuối kỳ	95.699.000.000	124.969.383.392	11.025.017.419	8.535.400.534

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.989.300.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.700.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	65.696.769.466	48.342.495.705
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	59.984.834.182	41.940.486.296
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	861.991.357	1.110.067.987
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	414.541.548	273.535.505
- <i>Doanh thu khác</i>	2.052.727	-
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc</i>	2.080.710.407	3.425.393.205
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội</i>	1.484.089.072	1.232.733.676
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ</i>	757.995.644	360.279.036
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng</i>	110.554.529	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	230.697.277	999.087.538
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	230.697.277	999.087.538
Doanh thu thuần	65.466.072.189	47.343.408.167

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm xuất bán	991.293.105	1.052.656.117
Giá vốn của hàng hóa xuất bán	58.067.718.288	39.838.678.590
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	1.880.343.260	2.825.295.590
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	1.287.675.301	1.122.073.963
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	683.088.399	362.550.826
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	107.123.280	-
Cộng	63.017.241.633	45.201.255.086

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi	506.593.842	47.011.760
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	(100.856.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.306.910.075	5.030.401.340
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	420.021.316
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	528.822
Cộng	5.813.503.917	5.397.107.238

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	462.493.084	1.638.402.552
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	(356.921.882)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.554.555	13.669.395
Dự phòng giảm giá đầu tư	889.430.700	-
Chi phí khác	1.095.640	4.754.270
Cộng	1.398.573.979	1.299.904.335

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.739.599.632	2.104.617.177
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.967.457	5.402.727
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.923.416	34.684.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.489.959	174.809.319
Chi phí bảo hành	57.767.623	187.108.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	784.377.475	706.647.934
Chi phí bằng tiền khác	1.501.626.778	1.362.241.027
Cộng	4.327.752.340	4.575.512.083

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.291.012.602	1.344.181.595
Chi phí vật liệu quản lý	44.737.424	43.186.713
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.582.049	27.126.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	256.657.645	247.364.052
Thuế, phí và lệ phí	91.126.250	92.333.773
Chi phí dự phòng	260.739.400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.192.255	350.590.131
Chi phí bằng tiền khác	1.101.913.690	1.023.713.763
Cộng	3.561.961.315	3.128.496.618

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	1.433.069.080	1.752.423.397
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ do chưa chuyển giao	160.273.000	141.656.000
Thu nhập khác	41.430.750	35.268.128
Cộng	1.634.772.830	1.929.347.525

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	160.273.000	141.656.000
Chi hỗ trợ Cty Nguyễn Sơn	118.000.000	-
Chi phí khác	35.377.000	3.638
Cộng	313.650.000	141.659.638

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	289.848.214	357.189.182
Tiền thưởng	-	-
Tiền thù lao	47.700.000	40.000.000
Cộng	337.548.214	397.189.182

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm :

Bên liên quan

Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina
 Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM
 Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Mua hàng	45.328.547.618	43.522.921.224
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.108.239.328	2.109.756.629
Lợi nhuận được hưởng	4.893.349.175	4.600.000.000
Thu hỗ trợ	1.242.865.980	612.839.951
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Vay tiền		
Lãi vay	0	454.444.444

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Tiền hàng	714.288.572	1.003.088.895
Lợi nhuận phải thu	15.993.349.175	50.400.000.000
Phải thu chiết khấu doanh số Q4/2012	-	1.421.444.000
Cộng nợ phải thu	16.707.637.747	52.824.532.895
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Phải trả tiền mua hàng	15.116.628.919	16.010.730.868
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Tiền vay phải trả	-	10.000.000.000
Cộng nợ phải trả	15.116.628.919	26.010.730.868

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013



Tổng Giám đốc

Vũ Quốc Vinh